TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HUỆ** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 18/01/2018
V/v "ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vụ.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Rê.

2. Bà Dương Thị Ngọc Trang.

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

Ngày 18 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 186/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2017 về việc "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị Ngọc B - Sinh năm 1995 - Địa chỉ: Ấp Chánh, xã Tân M, huyện D, tỉnh Long An. (Vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Huỳnh Lý Th - Sinh năm 1994 - Địa chỉ: Ấp 4, xã Mỹ Thạnh B, huyện C, tỉnh Long An. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/10/2017, các văn bản tiếp theo, nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc B trình bày và yêu cầu:

Bà và ông Huỳnh Lý Th cưới nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân M huyện D, tỉnh Long An ngày 24/4/2017. Vợ chồng sống chung được 04 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vả nhau. Hiện nay bà và ông Th đã ly thân từ tháng 8 năm 2017 cho đến nay.

+ Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Lý Th.

+ Về nuôi con chung: không có.

+ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

+ Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Huỳnh Lý Th được tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng không có ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của ông, không có mặt để tham gia hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Ngày 31/10/2017 bà Võ Thị Ngọc B có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Võ Thị Ngọc B khởi kiện ông Huỳnh Lý Th Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Bà Võ Thị Ngọc B có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét đơn khởi kiện của bà B theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

[3] Trong thời gian Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn ông Huỳnh Lý Th được tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa án, nhưng ông Th không có ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của ông, không có mặt để tham gia hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử xét đơn khởi kiện của bà B theo quy định tại khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, ông Th không được quyền khiếu nại về việc cung cấp chứng cứ và tham gia phiên tòa vì ông không có mặt theo thông báo và giấy triệu tập của Tòa án, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông theo quy định pháp luật.

[4] Tại phiên tòa, nguyên đơn không có đơn rút yêu cầu khởi kiện, không có căn cứ thể hiện việc các đương sự thỏa thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

[5] Xét yêu cầu ly hôn của bà B: Bà B không đưa ra được tài liệu chứng cứ chứng minh cho trình bày và yêu cầu của bà là có căn cứ và hợp pháp. Xét bà B và ông Th xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cải vã nhau, bà B và ông Th ly thân từ tháng 8/2017 đến nay và hiện nay vẫn đang sống ly thân, tự mỗi người lo cho bản thân, không quan tâm chăm sóc nhau. Mâu thuẫn giữa bà B và ông Th đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu ly hôn của bà B là có căn cứ, phù hợp quy định tại điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[6] Về con chung: Không có, không yêu cầu nên không để cập giải quyết.

[7] Xét về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu, không đề cập giải quyết nếu sau này xảy ra tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác là phù hợp.

[8] Xét về nợ chung: Bà B trình bày không có nên không đề cập giải quyết nếu sau này xảy ra tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác là phù hợp.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm, xét thấy: Bà B là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, bà B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm; Ông Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm - là phù hợp quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 147 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội,

Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Ngọc B về việc yêu cầu chia tài sản chung đối với ông Huỳnh Lý Th.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Ngọc B đối với ông Huỳnh Lý Th về việc "ly hôn".

- Về hôn nhân: Bà Võ Thị Ngọc B được ly hôn với ông Huỳnh Lý Th.

- Về nuôi con chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

- Về án phí: Bà Võ Thị Ngọc B chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (biên lai thu số 0008064 ngày 17/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ), bà B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Vụ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THADS;
- UBND xã Tân Mỹ, huyện Đức Hòa (để biết);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.